

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM DƯỢC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

(đã được kiểm toán)

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04 - 05
Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán	06 - 24
Bảng cân đối kế toán riêng	06 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	09
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	10 - 24



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nam Dược (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Nam Dược là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103003831 đăng ký lần đầu ngày 04/03/2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội cấp và đăng ký thay đổi lần thứ 09 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0101452595 ngày 25/12/2013.

Trụ sở chính của Công ty tại Lô A7/D21, Khu đô thị mới Cầu Giấy, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lã Xuân Hạnh	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Giang	Phó Chủ tịch
Ông Hoàng Minh Châu	Thành viên
Ông Lê Văn Sơn	Thành viên
Bà Dương Thị Lan	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Hoàng Minh Châu	Tổng Giám đốc
Ông Lê Văn Sơn	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Vũ Thị Nga	Trưởng Ban kiểm soát
Ông Phạm Thành Đạt	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Quỳnh Hương	Ủy viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính riêng Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Công ty Cổ phần Nam Dược

Lô A7/D21, Khu đô thị mới Cầu Giấy, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

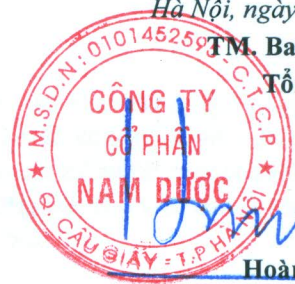
Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2017

TM. Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc



Hoàng Minh Châu

Số: 640/2017/BC.KTTC-AASC.KT1

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Nam Dược**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Nam Dược được lập ngày 15 tháng 03 năm 2017, từ trang 6 đến trang 24, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tại thời điểm 31/12/2015 và 31/12/2016, Công ty chưa thực hiện trích lập dự phòng giảm giá khoản đầu tư vào công ty con là Công ty TNHH MTV Nam Dược Phương Nam và đầu tư dài hạn khác tại Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Nam Dược với tổng số tiền là 1,255 tỷ đồng. Nếu Công ty thực hiện theo đúng quy định thì chỉ tiêu "Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn" và chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng Cân đối kế toán riêng tại ngày 31/12/2015 và tại ngày 31/12/2016 sẽ giảm đi số tiền là 1,255 tỷ đồng; chỉ tiêu "Chi phí tài chính" trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng năm 2015 sẽ tăng lên số tiền tương ứng.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Nam Dược tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc Báo cáo tài chính về vấn đề sau:

Các giao dịch với các bên liên quan trong năm chưa được phê duyệt theo đúng thẩm quyền theo quy định tại Thông tư 121/2012/TT-BTC ngày 26/07/2012 quy định về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng (chi tiết Thuyết minh số 06, 28).

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ nêu trên của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Nam Dược cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và Công ty TNHH Kiểm toán An Việt. Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính này tại ngày 29 tháng 03 năm 2016.

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2017

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

Phó Tổng Giám đốc



Phạm Anh Tuấn

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0777-2013-002-1

Kiểm toán viên

Nguyễn Diệu Trang

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm
toán số: 0938-2013-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mã số TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
100 A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		65.960.740.286	29.798.536.544
110 I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	3.549.905.136	1.216.778.641
111 1. Tiền		3.549.905.136	1.216.778.641
130 III. Các khoản phải thu ngắn hạn		57.077.961.414	14.875.318.772
131 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	10.257.814.439	14.260.257.301
132 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	11.707.507.000	543.156.145
136 3. Phải thu ngắn hạn khác	7	35.112.639.975	71.905.326
140 IV. Hàng tồn kho	8	4.690.438.502	13.172.927.275
141 1. Hàng tồn kho		4.690.438.502	13.172.927.275
150 V. Tài sản ngắn hạn khác		642.435.234	533.511.856
151 1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	253.120.600	187.383.498
153 2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	13	389.314.634	346.128.358
200 B. TÀI SẢN DÀI HẠN		35.566.265.959	34.064.187.444
220 II. Tài sản cố định		3.004.545.178	1.812.105.577
221 1. Tài sản cố định hữu hình	10	3.004.545.178	1.812.105.577
222 - Nguyên giá		6.887.515.259	5.397.590.106
223 - Giá trị hao mòn lũy kế		(3.882.970.081)	(3.585.484.529)
240 IV. Tài sản dở dang dài hạn		590.904.250	218.860.000
242 1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	9	590.904.250	218.860.000
250 V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	31.255.000.000	31.255.000.000
251 1. Đầu tư vào công ty con		31.000.000.000	31.000.000.000
253 2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		255.000.000	255.000.000
260 VI. Tài sản dài hạn khác		715.816.531	778.221.867
261 1. Chi phí trả trước dài hạn	11	715.816.531	778.221.867
270 TỔNG CỘNG TÀI SẢN		101.527.006.245	63.862.723.988

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

(tiếp theo)

Mã số NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
		VND	VND
300 C. NỢ PHẢI TRẢ		15.021.410.785	28.403.836.724
310 I. Nợ ngắn hạn		15.021.410.785	28.403.836.724
311 1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	7.362.244.003	22.525.350.190
312 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		292.004.060	77.488.770
313 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	468.397.053	270.092.542
314 4. Phải trả người lao động		5.405.367.910	3.701.250.921
315 5. Chi phí phải trả ngắn hạn	14	109.458.709	274.632.112
319 6. Phải trả ngắn hạn khác	15	1.312.226.503	1.255.702.053
322 7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		71.712.547	299.320.136
400 D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		86.505.595.460	35.458.887.264
410 I. Vốn chủ sở hữu	16	86.505.595.460	35.458.887.264
411 1. Vốn góp của chủ sở hữu		56.800.000.000	56.800.000.000
411a - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		56.800.000.000	56.800.000.000
421 2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		29.705.595.460	(21.341.112.736)
421a - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		(21.341.112.736)	(28.397.284.289)
421b - LNST chưa phân phối năm nay		51.046.708.196	7.056.171.553
440 TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		101.527.006.245	63.862.723.988

Người lập biểu



Nguyễn Thị Cảnh

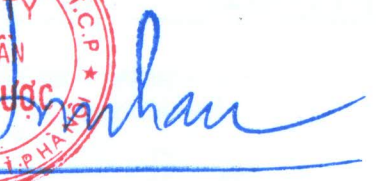
Kế toán trưởng



Trần Thị Anh Đức

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2017

Tổng Giám đốc

Hoàng Minh Châu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
Năm 2016

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	17	146.885.046.135	125.056.490.173
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	18	232.686.603	198.421.422
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		146.652.359.532	124.858.068.751
11	4. Giá vốn hàng bán	19	87.524.641.992	73.258.764.938
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		59.127.717.540	51.599.303.813
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	20	64.027.126.938	33.014.603.192
25	7. Chi phí bán hàng	21	45.065.130.653	48.302.180.543
26	8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	22	15.036.469.794	15.610.074.055
30	9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		63.053.244.031	20.701.652.407
31	10. Thu nhập khác		4.817.561	35.513.665
32	11. Chi phí khác		4.741.575	51.217.019
40	12. Lợi nhuận khác		75.986	(15.703.354)
50	13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		63.053.320.017	20.685.949.053
51	14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	23	-	-
60	15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>63.053.320.017</u>	<u>20.685.949.053</u>

Người lập biểu

Nguyễn Thị Cảnh

Kế toán trưởng

Trần Thị Anh Đức



Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2017

Tổng Giám đốc

Hoàng Minh Châu

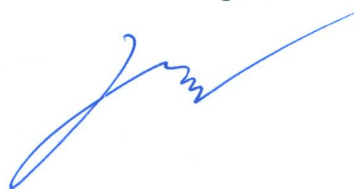
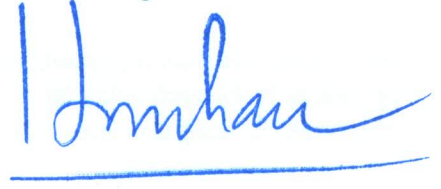
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
 Năm 2016
 (Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
		VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế	63.053.320.017	20.685.949.053
	2. Điều chỉnh cho các khoản		
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	617.414.217	564.361.384
05	- Lãi/lỗ từ hoạt động đầu tư	(64.027.126.938)	(33.014.603.192)
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	(356.392.704)	(11.764.292.755)
09	- Tăng/giảm các khoản phải thu	2.754.171.082	3.515.929.875
10	- Tăng/giảm hàng tồn kho	8.482.488.773	7.571.431.565
11	- Tăng/giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	(13.149.298.350)	(20.048.519.863)
12	- Tăng/giảm chi phí trả trước	(3.331.766)	302.316.752
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	-	(188.306.252)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(874.219.410)	(2.178.888.750)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	(3.146.582.375)	(22.790.329.428)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	(12.181.898.068)	(120.200.000)
27	2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	29.027.126.938	33.014.603.192
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	16.845.228.870	32.894.403.192
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
36	1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(11.365.520.000)	(11.235.320.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	(11.365.520.000)	(11.235.320.000)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	2.333.126.495	(1.131.246.236)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	1.216.778.641	2.348.024.877
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	3
		<u>3.549.905.136</u>	<u>1.216.778.641</u>

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2017
 Tổng Giám đốc

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Cảnh

Trần Thị Anh Đức

Hoàng Minh Châu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2016

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nam Dược là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103003831 đăng ký lần đầu ngày 04/03/2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội cấp và đăng ký thay đổi lần thứ 09 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0101452595 ngày 25/12/2013.

Trụ sở chính của Công ty tại Lô A7/D21, Khu đô thị mới Cầu Giấy, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là 56.800.000.000 VND (Năm mươi sáu tỷ, tám trăm triệu đồng).

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực kinh doanh thương mại.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh thuốc tân dược, đông dược và thực phẩm chức năng.

Thông tin về các công ty con của Công ty: Xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính riêng và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác và các khoản đầu tư dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.4 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.5 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các công ty con được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- *Đối với các khoản đầu tư vào công ty con*: căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con tại thời điểm trích lập dự phòng. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong kế hoạch khi quyết định đầu tư.
- *Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư*: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.

2.6 . Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.7 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.8 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Máy móc, thiết bị	05 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 04 năm

2.9 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.10 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.11 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.12 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng cân đối kế toán riêng của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.13 . Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.14 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm là hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính riêng của năm lập báo cáo, và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng thì ghi giảm doanh thu của năm phát sinh.

2.15 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.16 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

2.17 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tiền mặt	1.281.071.096	116.443.069
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.268.834.040	1.100.335.572
	<u>3.549.905.136</u>	<u>1.216.778.641</u>

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Đầu tư vào công ty con	31.000.000.000	-	31.000.000.000	-
- Công ty TNHH Nam Dược	30.000.000.000	-	30.000.000.000	-
- Công ty TNHH MTV Nam Dược Phương Nam	1.000.000.000	-	1.000.000.000	-
Đầu tư vào đơn vị khác	255.000.000	-	255.000.000	-
- Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Nam Dược	255.000.000	-	255.000.000	-
	31.255.000.000	-	31.255.000.000	-

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Đầu tư vào công ty con

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty vào ngày 31/12/2016 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH Nam Dược	Hà Nội	100%	100%	Sản xuất, kinh doanh dược phẩm
Công ty TNHH MTV Nam Dược Phương Nam	Hà Nội	100%	100%	Kinh doanh dược phẩm

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty và công ty con trong năm: Xem Thuyết minh 28.

Đầu tư vào đơn vị khác

Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Nam Dược đã tạm ngừng hoạt động và đóng mã số thuế từ ngày 21 tháng 09 năm 2006 nhưng chưa hoàn tất các thủ tục giải thể.

5 . PHẢI THU KHÁCH HÀNG NGẮN HẠN

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
a) Phải thu khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn		
Công ty TNHH MTV Nam Dược Phương Nam	9.367.316.076	14.095.840.000
Các đối tượng khác	890.498.363	164.417.301
	10.257.814.439	14.260.257.301
b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 28)	9.367.316.076	14.095.840.000

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH Thương mại và Truyền thông Nguyễn Quân	1.578.552.000	-	415.321.145	-
Ông Hoàng Minh Châu và bà Dương Thị Sáu (*)	10.000.000.000	-	-	-
Các đối tượng khác	128.955.000	-	127.835.000	-
	11.707.507.000	-	543.156.145	-

(*) Trả trước tiền mua đất theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 958/2016 và 959/2016 ngày 28 tháng 12 năm 2016 giữa ông Hoàng Minh Châu và bà Dương Thị Sáu (bên chuyển nhượng) và Công ty Cổ phần Nam Dược do ông Lê Văn Sơn - Phó Tổng Giám đốc ký duyệt, được phê duyệt theo Quyết định số 080/2016/QĐ-HĐQT của Hội đồng Quản trị ngày 16/12/2016. Đối tượng chuyển nhượng của hợp đồng là toàn bộ quyền sử dụng đất tại địa chỉ Lô A2 và A4, ô D7, khu đô thị mới Cầu Giấy, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CE 686421 và CE 686422. Tổng giá trị chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo các Hợp đồng trên là 70,09 tỷ đồng. Công ty đã hoàn thành thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CG 989427 ngày 25 tháng 01 năm 2017 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp.

7 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	35.000.000.000	-	-	-
Tạm ứng	100.989.997	-	60.255.348	-
Ký cược, ký quỹ	10.000.000	-	10.000.000	-
Phải thu khác	1.649.978	-	1.649.978	-
	35.112.639.975	-	71.905.326	-

8 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công cụ, dụng cụ	72.427.443	-	137.735.567	-
Hàng hóa	4.618.011.059	-	13.035.191.708	-
	4.690.438.502	-	13.172.927.275	-

9 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Phần mềm quản lý hệ thống phân phối SALESUP (i)	372.044.250	-
Phần mềm kế toán (ii)	218.860.000	218.860.000
	590.904.250	218.860.000

- (i) Hợp đồng cung cấp và cài đặt phần mềm quản lý hệ thống phân phối số HD/DMS/GESO-NAMDUOC/21092016 ký ngày 21/09/2016 giữa Công ty và Công ty TNHH Giải pháp Doanh nghiệp Toàn cầu. Tổng giá trị hợp đồng là 379.865.000 VND (trong đó, phí bản quyền là 368.692.500 VND). Tại ngày 31/12/2016, phần mềm vẫn đang trong quá trình lắp đặt, chạy thử và chưa được bàn giao, đưa vào sử dụng.
- (ii) Phần mềm kế toán được mua sắm từ năm 2013, tuy nhiên Công ty và nhà cung cấp vẫn chưa nghiệm thu, bàn giao để đưa vào sử dụng do một số chức năng của phần mềm chưa đáp ứng được và các lỗi từ phần mềm vẫn tiếp tục phát sinh.

10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	305.200.000	4.446.886.827	645.503.279	5.397.590.106
- Mua trong năm	354.090.000	1.417.581.818	38.182.000	1.809.853.818
- Phân loại theo TT 45/2013/TT-BTC	-	-	(319.928.665)	(319.928.665)
Số dư cuối năm	659.290.000	5.864.468.645	363.756.614	6.887.515.259
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	181.958.048	2.863.868.683	539.657.798	3.585.484.529
- Khấu hao trong năm	78.654.037	471.640.270	67.119.910	617.414.217
- Phân loại theo TT 45/2013/TT-BTC	-	-	(319.928.665)	(319.928.665)
Số dư cuối năm	260.612.085	3.335.508.953	286.849.043	3.882.970.081
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	123.241.952	1.583.018.144	105.845.481	1.812.105.577
Tại ngày cuối năm	398.677.915	2.528.959.692	76.907.571	3.004.545.178

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 2.625.431.313 VND.

11 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
a) Ngắn hạn		
Chi phí làm biển quảng cáo	108.906.223	83.445.008
Phí bảo hiểm xe ô tô	22.175.973	27.781.250
Phí duy trì tên miền	17.065.589	17.229.500
Phí dịch vụ đăng tuyển trên Vietnam work	-	12.461.400
Các khoản khác	104.972.815	46.466.340
	253.120.600	187.383.498
b) Dài hạn		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	340.926.939	157.818.121
Chi phí xây dựng chiến lược kinh doanh và hệ thống quản lý nhân sự	213.383.848	410.353.540
Chi phí thiết kế website	62.999.982	125.999.994
Chi phí sửa chữa phụ tùng xe Mercedes	68.784.000	46.730.750
Các khoản khác	29.721.762	37.319.462
	715.816.531	778.221.867

12 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
Công ty TNHH Nam Dược	6.474.408.806	6.474.408.806	21.007.184.603	21.007.184.603
Các đối tượng khác	887.835.197	887.835.197	1.518.165.587	1.518.165.587
	7.362.244.003	7.362.244.003	22.525.350.190	22.525.350.190
b) Phải trả người bán là các bên liên quan				
<i>(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 28)</i>	6.474.408.806	6.474.408.806	21.007.184.603	21.007.184.603

13 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	178.188.798	12.594.460.667	12.304.252.412	-	468.397.053
Thuế thu nhập doanh nghiệp	346.128.358	-	-	-	346.128.358	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	91.903.744	1.090.305.565	1.225.395.585	43.186.276	-
Các loại thuế khác	-	-	4.000.000	4.000.000	-	-
	346.128.358	270.092.542	13.688.766.232	13.533.647.997	389.314.634	468.397.053

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

14 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Chi phí quảng cáo	-	63.549.600
Chi phí phụ trách chuyên môn của ông Hoàng Minh Châu	-	66.000.000
Chi phí thuê xe ô tô	-	60.000.000
Chi phí kiểm toán báo cáo tài chính	70.000.000	50.000.000
Chi phí phải trả khác	39.458.709	35.082.512
	109.458.709	274.632.112

15 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Kinh phí công đoàn, BHXH, BHYT, BHTN	174.173	2.399.773
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	660.000.000	641.500.000
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	558.760.000	564.280.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	93.292.330	47.522.280
	1.312.226.503	1.255.702.053

16 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của CSH VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư đầu năm trước	56.800.000.000	(28.397.284.289)	28.402.715.711
Lãi trong năm trước	-	20.685.949.053	20.685.949.053
Phân phối lợi nhuận	-	(13.629.777.500)	(13.629.777.500)
Số dư cuối năm trước (i)	56.800.000.000	(21.341.112.736)	35.458.887.264
Lãi trong năm nay	-	63.053.320.017	63.053.320.017
Phân phối lợi nhuận (i)	-	(12.006.611.821)	(12.006.611.821)
Số dư cuối năm	56.800.000.000	29.705.595.460	86.505.595.460

(i) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 01/2016/NQ ĐHĐCĐ ngày 24 tháng 04 năm 2016, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2015 như sau:

	Số tiền VND
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	646.611.821
Chi trả cổ tức năm 2015 trên vốn điều lệ (tương ứng mỗi cổ phần nhận 2.000 VND)	11.360.000.000
	12.006.611.821

(ii) Tại ngày 01/01/2016, chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng Cân đối kế toán riêng của Công ty là âm 21,3 tỷ đồng. Điều này là do Công ty chưa chuyển lợi nhuận của Công ty con về để thực hiện chia cổ tức cho các cổ đông. Trong năm 2016, Công ty đã ghi nhận lợi nhuận được chia từ công ty con là 64 tỷ và công ty con đã chuyển tiền là 29 tỷ đồng. Tại ngày 31/12/2016, Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính riêng của Công ty là 29,7 tỷ đồng;

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2016	Tỷ lệ	01/01/2016	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Bà Dương Thị Sáu	14.174.500.000	24,96	14.174.500.000	24,96
Ông Nguyễn Văn Giang	3.220.000.000	5,67	3.220.000.000	5,67
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Trancorp	2.831.000.000	4,98	2.831.000.000	4,98
Các cổ đông khác	36.574.500.000	64,39	36.574.500.000	64,39
	56.800.000.000	100,00	56.800.000.000	100,00

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	56.800.000.000	56.800.000.000
- Vốn góp cuối năm	56.800.000.000	56.800.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia		
- Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	11.360.000.000	11.360.000.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2016	01/01/2016
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.680.000	5.680.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.680.000	5.680.000
- Cổ phiếu phổ thông	5.680.000	5.680.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.680.000	5.680.000
- Cổ phiếu phổ thông *	5.680.000	5.680.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu		

17 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	146.885.046.135	125.056.490.173
	146.885.046.135	125.056.490.173
Doanh thu đối với các bên liên quan	55.129.450.384	56.649.568.495
(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 28)		

18 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	-	7.153.228
Hàng bán bị trả lại	232.686.603	191.268.194
	232.686.603	198.421.422

19 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	87.524.641.992	73.258.764.938
	87.524.641.992	73.258.764.938

20 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	27.126.938	14.603.192
Cổ tức, lợi nhuận được chia (*)	64.000.000.000	33.000.000.000
	64.027.126.938	33.014.603.192

(*) Lợi nhuận sau thuế nhận từ Công ty TNHH Nam Dược - công ty con theo Quyết định số 22/2016/QĐND ngày 04/05/2016 và Quyết định số 52/2016/QĐND ngày 22/12/2016 của Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nam Dược - công ty mẹ.

21 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	206.284.907	268.161.905
Chi phí nhân công	17.096.976.426	12.918.504.453
Chi phí khấu hao tài sản cố định	106.752.496	77.644.540
Chi phí dịch vụ mua ngoài*	27.654.822.400	35.036.669.645
Chi phí khác bằng tiền	294.424	1.200.000
	45.065.130.653	48.302.180.543

22 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	572.132.260	817.599.741
Chi phí nhân công	9.207.061.575	9.967.917.756
Chi phí khấu hao tài sản cố định	510.661.721	486.716.844
Thuế, phí và lệ phí	15.200.000	16.250.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.186.071.529	3.883.561.072
Chi phí khác bằng tiền	545.342.709	438.028.642
	15.036.469.794	15.610.074.055

23 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	63.053.320.017	20.685.949.053
Các khoản điều chỉnh tăng	4.731.475	45.056.864
- <i>Phạt vi phạm hành chính về lĩnh vực quảng cáo</i>	-	45.000.000
- <i>Phạt vi phạm hành chính về hóa đơn</i>	3.000.000	-
- <i>Các khoản phạt khác</i>	1.731.475	56.864
Các khoản điều chỉnh giảm	(64.000.000.000)	(33.000.000.000)
- <i>Cổ tức, lợi nhuận được chia</i>	(64.000.000.000)	(33.000.000.000)
Thu nhập tính thuế TNDN	(941.948.508)	(12.268.994.083)
Thuế suất thuế TNDN	20%	22%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	(346.128.358)	(157.822.106)
Thuế TNDN đã nộp trong năm	-	(188.306.252)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	(346.128.358)	(346.128.358)

24 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	(Đã phân loại lại) VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ	778.417.167	1.085.761.646
Chi phí nhân công	26.304.038.001	22.886.422.209
Chi phí khấu hao tài sản cố định	617.414.217	564.361.384
Chi phí dịch vụ mua ngoài	31.840.893.929	38.920.230.717
Chi phí khác bằng tiền	560.837.133	455.478.642
Tổng chi phí sản xuất kinh doanh	60.101.600.447	63.912.254.598

25 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.549.905.136	-	1.216.778.641	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	45.370.454.414	-	14.332.162.627	-
Đầu tư dài hạn	255.000.000	-	255.000.000	-
Tổng tài sản tài chính	49.175.359.550	-	15.803.941.268	-

	Giá trị số kế toán	
	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Phải trả người bán, phải trả khác	8.674.470.506	23.781.052.243
Chi phí phải trả	109.458.709	274.632.112
	8.783.929.215	24.055.684.355

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác), cụ thể như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Cộng
	VND	VND
Tại ngày 31/12/2016		
Tiền và tương đương tiền	3.549.905.136	3.549.905.136
Phải thu khách hàng, phải thu khác	45.370.454.414	45.370.454.414
Đầu tư dài hạn	255.000.000	255.000.000
	49.175.359.550	49.175.359.550
Tại ngày 01/01/2016		
Tiền và tương đương tiền	1.216.778.641	1.216.778.641
Phải thu khách hàng, phải thu khác	14.332.162.627	14.332.162.627
Đầu tư dài hạn	255.000.000	255.000.000
	15.803.941.268	15.803.941.268

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2016		
Phải trả người bán, phải trả khác	8.674.470.506	8.674.470.506
Chi phí phải trả	109.458.709	109.458.709
	<u>8.783.929.215</u>	<u>8.783.929.215</u>
Tại ngày 01/01/2016		
Phải trả người bán, phải trả khác	23.781.052.243	23.781.052.243
Chi phí phải trả	274.632.112	274.632.112
	<u>24.055.684.355</u>	<u>24.055.684.355</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

26 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THỨC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng này.

27 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là mua bán thuốc dược phẩm. Đồng thời, hoạt động kinh doanh của Công ty chỉ phát sinh trong lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

28 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Mối quan hệ	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Mua hàng hóa			
Công ty TNHH Nam Dược	Công ty con	75.005.941.200	64.468.883.700
Ứng trước tiền mua tài sản			
Ông Hoàng Minh Châu và Bà Dương Thị Sáu	Cổ đông lớn của Công ty - Vợ chồng Tổng Giám Đốc	10.000.000.000	-
Doanh thu từ bán hàng hóa (i)			
Công ty TNHH MTV Nam Dược Phương Nam	Công ty con	55.129.450.384	56.649.568.495
Cổ tức, lợi nhuận được chia			
Công ty TNHH Nam Dược	Công ty con	64.000.000.000	33.000.000.000

(i): Giao dịch được thực hiện dựa trên Hợp đồng nguyên tắc ký hàng năm, Quyết định giá bán và mức chiết khấu áp dụng cho từng thời kỳ do Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt. Tỷ lệ lãi gộp/doanh thu bán hàng cho Công ty con là 33%.

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm:

Mối quan hệ	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND	
Phải thu khác			
Công ty TNHH Nam Dược	Công ty con	35.000.000.000	-
Trả trước cho người bán			
Bà Dương Thị Sáu	Cổ đông lớn - Vợ của Tổng Giám đốc	10.000.000.000	-
Phải trả cho người bán			
Công ty TNHH Nam Dược	Công ty con	6.474.408.806	21.007.184.603
Phải thu khách hàng			
Công ty TNHH MTV Nam Dược Phương Nam	Công ty con	9.367.316.076	14.095.840.000

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
- Thu nhập của Hội đồng quản trị	-	872.991.345
- Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc	1.736.434.094	1.990.264.184

29 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được Công ty TNHH Kiểm toán An Việt kiểm toán.

Một số chỉ tiêu đã được phân loại lại cho phù hợp để so sánh với số liệu năm nay:

	Mã số	Phân loại lại VND	Đã trình bày trên báo cáo năm trước VND
Báo cáo lưu chuyển tiền, tệ riêng			
- Tăng/giảm các khoản phải thu	09	3.515.929.875	3.327.623.623
- Tăng/giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	(20.048.519.863)	(20.457.106.115)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(188.306.252)	188.306.252
- Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(11.235.320.000)	(11.015.040.000)

Người lập biểu



Nguyễn Thị Cảnh

Kế toán trưởng



Trần Thị Anh Đức



Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2017

Tổng Giám đốc



Hoàng Minh Châu